

Bản án số: 41/2021/HSST
Ngày: 09-4-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh.

2. Ông Nguyễn Duy Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39 /2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Ngọc H, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: thôn Nh, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông Trần Ngọc B và bà Trần Thị L; vợ con: Chưa có; tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 179/2018/HSST ngày 29-10-2018 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xử phạt Trần Ngọc H 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15-4-2019, thi hành xong tiền án phí ngày 25-01-2019, chưa được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28-12-2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H (có mặt).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Trú tại: thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Trú tại: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Những người làm chứng:

1. Anh Trần Văn S, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Trú tại: thôn Kh, xã Ph, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Phạm Thế H, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Trú tại: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 24-12-2020, Trần Ngọc H, đi bộ từ nhà trọ của mình ở thôn Nh, xã Th, huyện H đến nhà ông Trần Ngọc B ở thôn H, xã Th (là bố đẻ của H) chơi. Tại đây, H nhìn thấy chiếc điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme 5i của chị Nguyễn Thị Y (là em dâu của H) để ở trên chậu cây sung cảnh trước hiên nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Biết nhà ông B lắp camera an ninh, H đi vào trong nhà rút nguồn điện của camera trước khi lấy trộm điện thoại để tránh bị phát hiện. Sau đó, H đi đến gốc cây sung cầm chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần đang mặc, đi vào nhà cắm lại điện camera như cũ và đi về. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, H tháo sim lắp trong chiếc điện thoại bỏ vào trong ví giả da và cầm chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại của anh Trần Văn S, ở thôn Kh, xã Ph, huyện H vay của anh S số tiền 1.000.000 đồng và đưa điện thoại cho anh S để làm tin, số tiền trên H đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 25-12-2020, H đến cửa hàng điện thoại di động của anh Trần Văn N, ở thôn L, xã T, huyện H hỏi anh N về giá của chiếc điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme 5i. Sau đó, H nhờ anh Phạm Thế H (làm nghề xe ôm) đến nhà anh S lấy chiếc điện thoại H để ở đó khi vay tiền đến cửa hàng điện thoại của anh Năm đưa cho Hưng và Hưng đã bán chiếc điện thoại trên cho anh N với giá 2.000.000 đồng. Số tiền trên H đã đưa cho anh H 1.060.000 đồng (trong đó: 1.020.000 đồng H nhờ anh H trả cho anh S và 40.000 đồng H trả tiền xe ôm cho anh H), số tiền còn lại là 940.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 26-12-2020, anh Trần Ngọc H (là chồng của chị Nguyễn Thị Y) đã có đơn trình báo vụ việc đến Công an xã Th đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/ĐGTS ngày 28-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: “01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme 5i, màu xanh lá đã qua sử dụng kèm theo sim điện thoại Vinaphone số 0853935310 tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 3.000.000 đồng; 01 chiếc ốp điện thoại hai mặt màu trắng đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 3.100.000 đồng.”

Bản cáo trạng số 37/CT-VKSHH ngày 09-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Hưng về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo H như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo H mức án tù từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28-12-2020.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu bị cáo Trần Ngọc H bồi thường khoản tiền gì; buộc bị cáo H phải trả cho anh N số tiền 2.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại chị Yến 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme5i màu xanh lá cây, có ốp nhựa hai mặt màu trắng, đã qua sử dụng; 01 hộp đựng điện thoại nhãn hiệu Realme5i màu vàng; 01 chiếc sim điện thoại di động mạng Vinaphone; Trả lại bị cáo H 01 chiếc ví giả da màu nâu, 01 quần bò màu xanh và 01 chiếc áo bò màu xanh, đều đã qua sử dụng. Bị cáo H phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong hình sự.

Bị cáo H không tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Đơn trình báo và

lời khai của anh Trần Ngọc H; Báo cáo vụ việc của Công an xã Th, huyện H (Bút lục số 02,03 từ số 144 đến số 147); Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường (Bút lục từ số 64 đến số 70); Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của Trần Ngọc H và anh Trần Văn N (Bút lục số 25, 26); Bản kết luận định giá tài sản số 04/ĐGTS ngày 28/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H (Bút lục số 21); Biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng (Bút lục từ số 57 đến số 63); Lời khai của bị hại chị Nguyễn Thị Y (Bút lục từ số 120 đến số 123); Lời khai người làm chứng anh Trần Văn S và anh Phạm Thế H (Bút lục từ số 136 đến số 143); Lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn N (Bút lục từ số 124 đến số 127). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24-12-2020, tại nhà của ông Trần Ngọc B, ở thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trần Ngọc H có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme 5i trị giá 3.100.000 đồng của chị Nguyễn Thị Y. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nơi địa phương xảy ra tội phạm. Bị cáo có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, vì lòng tham bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân xấu. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn N yêu cầu bị cáo Hưng trả cho anh số tiền 2.000.000 đồng do anh N mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme5i của bị cáo H, anh N đã giao nộp chiếc điện thoại này cho cơ quan điều tra, cần buộc bị cáo H phải trả anh N số tiền trên.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme5i màu xanh lá cây, có ốp nhựa hai mặt màu trắng, đã qua sử dụng; 01 hộp đựng điện thoại nhãn hiệu Realme5i màu vàng; 01 chiếc sim điện thoại di động mạng Vinaphone là tài sản của chị Y do bị cáo H trộm cắp, cần trả lại cho chị Y; 01 chiếc ví giả da màu nâu, 01 quần bò màu xanh và 01 chiếc áo bò màu xanh đều đã qua sử dụng của bị cáo H không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại bị cáo.

[7] Đối với các anh Trần Văn S, Trần Văn N và Phạm Thế H: Ngày 24-12-2020, anh S cho H vay số tiền 1.000.000 đồng, H để lại chiếc điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme 5i trộm cắp của chị Y lại làm tin; ngày 25-12-2020, anh Trần Văn N đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme5i trên của H với giá 2.000.000 đồng; ngày 25-12-2020, anh Phạm Thế H làm nghề xe ôm được anh H thuê đem chiếc điện thoại trên từ nhà anh S đến nhà anh N cho H. Kết quả điều tra xác định anh S, anh N và anh H không biết chiếc điện thoại trên là do bị cáo H trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý đối với anh S, anh N và anh H là phù hợp.

[8] Bị cáo H phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Ngọc H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo H **01 (một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28-12-2020 .
3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H phải trả cho anh N số tiền 2.000.000 đồng.
4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại chị Y 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme5i màu xanh lá cây, có ốp nhựa hai mặt màu trắng, đã qua sử dụng; 01 hộp đựng điện thoại nhãn hiệu Realme5i màu vàng; 01 chiếc sim điện thoại di động mạng Vinaphone; trả lại bị cáo H: 01 chiếc ví giả da màu nâu, 01 quần bò màu xanh và 01 chiếc áo bò màu xanh đều đã qua sử dụng (vật chứng trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý).
5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự trong hình sự.

6. Bị cáo H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Y, anh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhàn

